

Số: 405/2026/QĐ-KTCN

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh mức thu học phí đào tạo các nghề trình độ Trung cấp

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - CÔNG NGHỆ

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Trường Trung cấp Y tế Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 19/03/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc đổi tên Trường Trung cấp Y tế Thái Nguyên thành Trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ;

Căn cứ nhu cầu tổ chức đào tạo và điều kiện thực tế của Nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành điều chỉnh mức thu học phí đào tạo các nghề trình độ Trung cấp (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quyết định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Phòng Kế toán, Phòng Đào tạo, các Khoa và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Ban giám hiệu;
- Các bộ phận liên quan;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Duy Lâm



Phụ lục 1

MỨC THU HỌC PHÍ ĐÀO TẠO CÁC NGHỀ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

Đối tượng: Tốt nghiệp THCS

Kiểm theo Quyết định số 405/2026/QĐ-KTCN ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ)

ĐVT: đồng/người/khoá

TT	Đối tượng	Thời gian đào tạo	Định mức học phí	Ghi chú
1	Kỹ thuật chế biến món ăn	20 tháng	21.000.000	
2	Điện - nước	20 tháng	21.000.000	
3	Công nghệ thông tin	20 tháng	21.000.000	
4	Thương mại điện tử	20 tháng	21.000.000	
5	Tiếng Trung Quốc	20 tháng	21.000.000	
6	Thú y	20 tháng	21.000.000	
7	Luật	20 tháng	21.000.000	



Phụ lục 2

MỨC THU HỌC PHÍ ĐÀO TẠO CÁC NGHỀ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

Đối tượng: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên

Kiểm tra Quyết định số 405/2026/QĐ-KTCN ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ)

ĐVT: đồng/người/khoá

TT	Đối tượng	Thời gian đào tạo	Định mức học phí	Ghi chú
1	Kỹ thuật chế biến món ăn	12 tháng	16.000.000	
2	Điện - nước	12 tháng	16.000.000	
3	Công nghệ thông tin	12 tháng	16.000.000	
4	Thương mại điện tử	12 tháng	16.000.000	
5	Tiếng Trung Quốc	12 tháng	16.000.000	
6	Thú y	12 tháng	16.000.000	
7	Luật	12 tháng	16.000.000	